

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN GIẢI PHÁP THƯƠNG HIỆU RUBEE VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN GIẢI PHÁP THƯƠNG HIỆU RUBEE VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: RUBEE VIETNAM BRAND SOLUTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109930275

3. Ngày thành lập: 14/03/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 10, Tháp Tây, Tòa Hancorp Plaza, Số 72 Đường Trần Đăng Ninh, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985604712

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa	4610
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
3.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
4.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thực phẩm chức năng (Điều 9 Nghị định 67/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ y tế)	4632
5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn các loại chế phẩm vệ sinh như: xà phòng thơm, nước gội đầu, sữa tắm,....	4649
8.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

9.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
10.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo dạy nghề lái xe mô tô, ô tô; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính; - Trung tâm đào tạo ngoại ngữ, tin học.	8559
11.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục; - Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học.	8560
12.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
13.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Cơ sở dịch vụ thẩm mỹ (không lưu trú bệnh nhân)	8699
14.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ: hoạt động của nhà báo, sản xuất phim, phòng trà ca nhạc).	9000
15.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
16.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
17.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu Chi tiết: Cắt tóc, làm đầu, gội đầu, làm móng, trang điểm, nối mi, massage mặt (trừ các hoạt động gây chảy máu)	9631
18.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Nối mi, Dịch vụ phun, xăm thẩm mỹ (không sử dụng thuốc tê dạng tiêm) (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động)	9639
19.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
20.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
21.	Cổng thông tin	6312

22.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí	6399
23.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản; - Tư vấn bất động sản (trừ tư vấn mang tính pháp lý); - Sàn giao dịch bất động sản; - Quản lý bất động sản; - Định giá bất động sản. (Điều 60 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014)	6820
24.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý)	7020
25.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo bị Nhà nước cấm)	7310
26.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Trừ dịch vụ điều tra	7320
27.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất. - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7410(Chính)
28.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
29.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
30.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
31.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
32.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
33.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
34.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
35.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
36.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
37.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062

38.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thực phẩm chức năng (Điều 8 Nghị định 67/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ y tế)	1079
39.	In ấn (Trừ các loại Nhà nước cấm)	1811
40.	Dịch vụ liên quan đến in (trừ rập khuôn tem)	1812
41.	Sao chép bản ghi các loại	1820
42.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
43.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
44.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ	4789
45.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
46.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
47.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
48.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
49.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
50.	Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
51.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ: Phim, video, chương trình truyền hình bị Nhà nước cấm) (Điều 12, Khoản 1 Điều 13 và Điều 14 Luật Điện ảnh năm 2006, sửa đổi bổ sung năm 2009)	5911
52.	Hoạt động hậu kỳ (Điều 12, Khoản 1 Điều 13 và Điều 14 Luật Điện ảnh năm 2006, sửa đổi bổ sung năm 2009)	5912
53.	Đại lý du lịch	7911
54.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
55.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
56.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

57.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
58.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
59.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Trừ bán lẻ vàng miếng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí	4773

6. Vốn điều lệ: 6.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 680.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Tổ 06, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	47.600	476.000.000	7,000	024189000544	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	47.600	476.000.000	7,000		

2	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	TDP Hoàng Xá, Phường Liên Mạc, Quận Bắc Tùng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	238.000	2.380.000.000	35,000	0151830004 02
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	238.000	2.380.000.000	35,000	
3	PHẠM QUỐC HUY	Tổ 1, Khu 5, Phường Đại Yên, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	136.000	1.360.000.000	20,000	100920404
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	136.000	1.360.000.000	20,000	
4	VŨ THỊ HUYỀN TRANG	Tổ 2, Khu 1, Phường Đại Yên, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	258.400	2.584.000.000	38,000	0221860121 61
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	258.400	2.584.000.000	38,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ THỊ HUYỀN TRANG**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *07/12/1986*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *022186012161*

Ngày cấp: *22/11/2021*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 2, Khu 1, Phường Đại Yên, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 2, Khu 1, Phường Đại Yên, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội